

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 8 - 2024

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và Bà Nguyễn Thị Hoè

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 123/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐ-ST ngày 02 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2024/QĐ-ST ngày 23/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị Hoàng Thị Thu H; sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: - Anh Trần Xuân H1; sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố Đ, hiện đang trú tại: Đường P, Cộng hòa S. Vắng mặt lần thứ hai.

Thân nhân của anh Trần Xuân H1: ông Trần Văn U; sinh năm: 1945 (bố đẻ anh H1); địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 16/12/2022, bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Trần Xuân H1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 3 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng sống ly thân nhau, chị H bỏ về nhà mẹ

ruột sống. Sau đó anh [Trần Xuân H1](#) đi làm việc ở [Cộng hòa S](#), cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng càng trầm trọng, không còn tình cảm cho nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế, tính cách không phù hợp. Chị [H](#) nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Trần Xuân H1](#).

Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị [Hoàng Thị Thu H](#) và anh [Trần Xuân H1](#) có hai con chung là [Trần Văn T](#); sinh ngày 30/7/2005 và [Trần Nữ Như Ý](#); sinh ngày 28/8/2006; Sau khi ly hôn chị [H](#) không có yêu cầu về tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh [Hoàng](#)

Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ;

- *Đối với bị đơn anh [Trần Xuân H1](#):* Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã ủy thác tư pháp ra nước ngoài thông qua [Đ](#) tại [Cộng hòa S](#) để yêu cầu cơ quan này tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với anh [Trần Xuân H1](#); thông báo thông tin của Toà án trên cổng thông tin của [Đ](#) tại Séc; thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của [Đ1](#) (VOV5), đồng thời thông báo cho người thân (gia đình anh [H1](#)) để người thân thông báo cho anh [H1](#) biết việc chị [H](#) xin ly hôn anh [H1](#), nhưng Toà án không nhận được thông tin gì từ [Đ](#) tại [Cộng hòa S](#) và cũng không nhận được thông tin gì từ anh [H1](#).

- *Ý kiến trình bày của ông [Trần Văn U](#) (bố anh [H1](#)):* Anh [H1](#) đã đi lao động ở Séc đến nay chưa về, hiện có địa chỉ đúng như địa chỉ mà chị [H](#) đã cung cấp cho Toà án; anh [H1](#) có liên lạc về gia đình bằng điện thoại và có nói cho bố biết vợ chồng anh [H1](#) và chị [H](#) đang làm thủ tục ly hôn và mong muốn Toà án tỉnh Quảng Bình giải quyết ly hôn, sau khi ly hôn anh [H1](#) (con trai) có nguyện vọng giao cho chị [H](#) nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung con tôi không có.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; chị [H](#) có đơn xin xét xử vắng mặt, anh [H1](#) vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt chị [H](#) và anh [H1](#).

Về nội dung: Đề nghị xử cho chị [Hoàng Thị Thu H](#) và anh [Trần Xuân H1](#) được ly hôn; về con chung: cháu [Trần Văn T](#); sinh ngày 30/7/2005 đã trưởng thành; cháu [Trần Nữ Như Ý](#), sinh ngày 28/8/2006 giao cho chị [H](#) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị [H](#) không yêu cầu anh [Trần Xuân H1](#) đóng góp

phí tổn nuôi con; về tài sản chung, không có nên không xem xét; về án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác, đăng tin buộc chị **H** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh **Trần Xuân H1** là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại: **phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Theo thông tin cung cấp của **Cục Q** của phòng quản lý xuất nhập cảnh, **Công an tỉnh Q** thì anh **Trần Xuân H1** đã xuất cảnh ngày 11/12/2019 qua **sân bay quốc tế N**, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh. Theo chị **H** cung cấp thì hiện anh **H1** có địa chỉ tại: **Đường P, Cộng hòa S**. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **Trần Xuân H1** ở nước ngoài như: Tòa án đã ủy thác tư pháp thông qua **Đ** tại Séc để yêu cầu cơ quan này tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh **H1**; niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của **Đ** tại Séc; thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của **Đ1 VOV5**; gửi văn bản tố tụng về gia đình của bị đơn (anh **H1**), lập biên bản xác minh người thân của anh **H1** (bố ruột ông **Trần Văn U**); thực hiện niêm yết văn bản tại địa phương, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, tuy nhiên không nhận được thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự (anh **H1**) ở nước ngoài. Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 23/7/2024 nhưng anh **H1** vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đã hoãn phiên toà. Tại phiên toà hôm nay (ngày 22/8/2024) anh **H1** tiếp tục vắng mặt không có lý do; chị **H** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 277, Điều 228, Điều 238, điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **H1** và chị **H**.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ tình cảm:* chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Trần Xuân H1** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không phù hợp nên thường xảy ra cãi nhau. Chị **Hoàng Thị Thu H** vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn trình bày vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh **Trần Xuân H1**. Đối với anh **Trần Xuân H1**, mặc

dù trong quá trình giải quyết vụ án anh **H1** không gửi ý kiến về cho Toà án, tuy nhiên theo ý kiến của Ông **U** (bố anh **H1**) cho biết thì anh **H1** biết việc chị **H** xin ly hôn và anh **H1** cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị **Hoàng Thị Thu H** được ly hôn anh **Trần Xuân H1**.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng chị **Hoàng Thị Thu H** và anh **Trần Xuân H1** có hai con chung cháu **Trần Văn T**; sinh ngày 30/7/2005 đã trưởng thành; cháu **Trần Nữ Như Ý**, sinh ngày 28/8/2006. Cho đến hôm nay ngày mở phiên toà thì cháu **Như Ý** còn đúng 06 ngày là tròn 18 tuổi. Xét nguyện vọng của chị **H**, anh **H1** và ông **U**, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị **H** và anh **H1** giao con cho chị **H** nuôi dưỡng; Chị **H** không yêu cầu anh **H1** cấp dưỡng nuôi con

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị **Hoàng Thị Thu H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố **Đồng Hới**.

[2.5] Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, đăng tin: Tổng số tiền phải nộp là 2.550.000 đồng. Số tiền này chị **H** tự nguyện chịu toàn bộ (chị **H** đã nộp đủ tại Toà án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, các Điều 147, 227, Điều 474, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị Thu H** được ly hôn anh **Trần Xuân H1**

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu **Trần Nữ Như Ý**; sinh ngày 28/8/2006 cho chị **Hoàng Thị Thu H** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Cháu **Trần Văn T**; sinh ngày 30/7/2005 đã trưởng thành nên không xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Hoàng Thị Thu H** về việc không yêu cầu anh **Trần Xuân H1** phải đóng phí tổn nuôi con chung.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng con chưa thành

niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Toà án không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị **Hoàng Thị Thu H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 31AA/2021/0001522 ngày 16/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài, đăng tin: Chị **H** phải chịu nộp toàn bộ số tiền 2.550.000 đồng (chị **H** đã nộp đủ tại Toà án).

6. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: chị **Hoàng Thị Thu H** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; anh **Trần Xuân H1** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB(P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới;
- Lưu Toà DS, HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thái Sơn